

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2017/HSST
Ngày: 28/7/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ bà Trần Bích Thủy, nghề nghiệp: cán bộ nghỉ hưu.

2/ bà Trần Thị Thanh Xuân, nghề nghiệp: cán bộ nghỉ hưu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Vũ Quang- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: ông Phan Hữu Thiện- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố Huế (60 Nguyễn Huệ, thành phố Huế) xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 79/2017/HSST ngày 13 tháng 4 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Thị Phương T; Sinh ngày 12 tháng 5 năm 1982. Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 297 đường T, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở: lô 1/30 khu quy hoạch H, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh. Con ông: Phan Văn H, con bà: Nguyễn Thị M; Chồng: Đặng Quốc L; có 2 con: lớn nhất sinh năm 2006 nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giam từ ngày 11/01/2007 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: chị Phạm Thị G, sinh năm 1972; Địa chỉ: số 98 đường N, phường T, thành phố Huế (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; Địa chỉ: 297 Đường T, phường P, thành phố Huế (có mặt).

- Người làm chứng: chị Phạm Thị L, sinh năm 1969; Địa chỉ: số 120 đường D, phường Y, thành phố Huế (có mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Phan Thị Phương T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong thời gian từ tháng 6/2014 đến tháng 5/2015, Phan Thị Phương T thông qua mối quan hệ quen biết của mình với chị Phạm Thị G (tên gọi khác: T) để liên hệ vay tiền của chị G, rồi bỏ trốn, chiếm đoạt tổng số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 22/6/2014 (tức ngày 25/5/2014 Âm lịch), Phan Thị Phương T đến gặp chị Phạm Thị G tại nhà chị Phạm Thị L tại địa chỉ: 120 đường D, phường Y, thành phố Huế - là chị ruột của chị G và đề nghị chị G cho mình vay số tiền 100.000.000 đồng. Lúc vay, T nói là đang cần tiền để kinh doanh vận tải. Bà G tin tưởng, nên đồng ý cho T vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), hai bên tự nguyện thỏa thuận lãi suất là 05%/tháng (thỏa thuận miệng với nhau), thời gian vay là 02 tháng. Khi vay, T có viết 01 giấy mượn tiền.

Lần thứ hai: Ngày 25/7/2014, cũng tại nhà của chị Phạm Thị L, Phan Thị Phương T tiếp tục vay của chị Phạm Thị G số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Khi vay, T nói là cần tiền để kinh doanh dịch vụ vận tải và có viết 01 giấy mượn tiền. Hai bên tự nguyện thỏa thuận hàng tháng T phải trả cho bà G 5.000.000 đồng tiền lãi (tương đương 5%/tháng).

Sau hai lần vay nêu trên, hàng tháng T có trả lãi cho bà G như đã thỏa thuận, nhưng chưa trả khoản nợ gốc nào.

Lần thứ ba: Ngày 09/5/2015, Phan Thị Phương T hẹn gặp chị G tại nhà của chị Phạm Thị L. Cũng với lý do như những lần trước, T đề nghị chị G cho vay số tiền 100.000.000 đồng, hẹn sau 10 ngày sẽ trả đủ cho chị G toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng đã vay cả 03 đợt. Chị G đồng ý cho T vay thêm số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Khi vay, T có viết 01 giấy mượn tiền. Sau khi nhận số tiền này một thời gian ngắn, Phan Thị Phương T bỏ trốn khỏi địa phương, cắt đứt mọi liên lạc với bà Phạm Thị G và gia đình.

Quá thời hạn nhưng không thấy T đến trả lại tiền vay như đã hứa, bà G liên lạc qua điện thoại không được, nên đến nơi cư trú của T để tìm, thì biết được T đã bỏ trốn khỏi địa phương, chiếm đoạt toàn bộ số tiền nêu trên. Ngày 28/5/2015, bà Phạm Thị G đã làm đơn gửi Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế đề nghị điều tra làm rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của Phan Thị Phương T như đã nêu trên. Sau quá trình điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế đã khởi tố, truy nã đối với Phan Thị Phương T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 11/01/2017, Phan Thị Phương T bị bắt theo Quyết định truy nã số 08 ngày 26/01/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, đã thu giữ 03 (ba) Giấy mượn tiền ghi các ngày 25/5/2014; 25/7/2014 và 09/5/2015 có nội dung Phan Thị Phương T mượn của chị Phạm Thị G mỗi giấy là 100.000.000 đồng. Ký hiệu A1; A2; A3.

Cơ quan điều tra cũng tiến hành thu giữ 01 cuốn Lý lịch cán bộ, công chức mang tên Phan Thị Phương T và 01 bản đăng ký/thay đổi/xóa chữ ký mẫu có chữ viết, chữ ký của Phan Thị Phương T do Ngân hàng C – Chi nhánh Thừa Thiên Huế cung cấp. Ký hiệu M1; M2.

Tại bản kết luận giám định số 343/QĐ ngày 11/12/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

“1. Chữ viết mang tên Phan Thị Phương T trên tài liệu giám định ký hiện A1; A2; A3 so với chữ viết của Phan Thị Phương T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1; M2 là do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Phan Thị Phương T trên tài liệu giám định A1; A2; A3 so với chữ ký của Phan Thị Phương T trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 là do cùng một người ký ra”.

Ngày 15/3/2016, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài liệu cho đại diện Ngân hàng C – Chi nhánh Thừa Thiên Huế gồm: 01 cuốn Lý lịch cán bộ, công chức mang tên Phan Thị Phương T và 01 bản đăng ký/ thay đổi/ xóa chữ ký mẫu có chữ viết, chữ ký của Phan Thị Phương T.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 25/02/2017, bà Nguyễn Thị M là mẹ của Phan Thị Phương T đã tự nguyện bồi thường cho bà Phạm Thị G số tiền 20.000.000 đồng thay cho Phan Thị Phương T. Chị G yêu cầu T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là: 280.000.000 đồng, T chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 97/QĐ/KSĐT, ngày 13/4/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Phan Thị Phương T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 140 Bộ luật hình sự, để tuyên bố Phan Thị Phương T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, để xử phạt: Phan Thị Phương T từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử, buộc bị cáo phải trả lại cho bà Phạm Thị G số tiền 280.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Huế

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như hành vi mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố. Xét lời khai nhận đó phù hợp khách quan với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của những người tham gia tố tụng khác đã được kiểm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy rằng:

Trong các ngày 22/6/2014, 20/8/2014 và 09/5/2015, tại số nhà 120 đường D, phường Y, thành phố Huế, Phan Thị Phương T đã lợi dụng vào mối quan hệ quen biết của mình với chị Phạm Thị G để vay với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Sau khi nhận được số tiền này, T không trả cho chị G mà bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tài sản trên. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố Phan Thị Phương T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điều 140 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị 300.000.000 đồng nên việc truy tố bị cáo theo khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Phan Thị Phương T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, chỉ vì tham lam, lợi dụng lòng tin của người khác để chiếm đoạt, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội; khi phạm tội bị cáo không phạm vào các tình tiết tăng nặng, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, bị cáo có tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Theo hướng dẫn tại điểm b, khoản 1 Nghị quyết số 109 ngày 27/11/2015; điểm a, khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 144 ngày 29/6/2016 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 thì cần xem xét theo hướng có lợi cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo và gia đình đã bồi thường được 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay người bị hại là bà Phạm Thị G yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 280.000.000 đồng, xét yêu cầu của người bị hại là phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo Phan Thị Phương T phải bồi thường cho bà Phạm Thị G số tiền 280.000.000 đồng. Đối với số tiền 20.000.000 đồng bà Nguyễn Thị M đã bồi thường thay cho bị cáo, nay bà M không yêu cầu bị cáo phải trả lại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định.

Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu 280.000.000 đồng x 5% = 14.000.000 đồng.

Vì lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phan Thị Phương T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Phương T 04 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 11 tháng 01 năm 2017.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phan Thị Phương T phải bồi thường cho bà Phạm Thị G số tiền 280.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phan Thị Phương T phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phan Thị Phương T phải chịu 14.000.000 đồng

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- + *TA Tỉnh*
- + *VKS TP Huế.*
- + *THA TP Huế*
- + *Công an TP Huế*
- + *Sở Tư pháp*
- + *PV 27*
- + *Bị cáo*
- + *Những người tham gia tố tụng*
- + *Lưu HS, dân án*

(Đã ký)

Hoàng Quang Bình